

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HKD LE THI DUNG/2024

SẢN PHẨM: GIÒ CHẢ

Sản phẩm của: Hộ Kinh doanh Lê Thị Dung

Số 02 lô 19 đường quy hoạch phía Bắc, tổ dân phố 3, thị trấn
Măng Đen, tỉnh Kon Tum.

Kon Tum, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HKD LE THI DUNG/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: Lê Thị Dung
- Địa chỉ: 02 lô 19 đường quy hoạch phía Bắc, tổ dân phố 3, thị trấn Măng Đen, tỉnh Kon Tum.
- Điện thoại: 0978648103
- Giấy CN ĐKKD số: 38E80010186.
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: số 41/2024/NNPTNT-TKT, ngày cấp 01/11/2024, nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS Kon Tum.

II. Thông tin về sản phẩm

Tên sản phẩm: Giò chả

Thành phần: 100% thịt lợn.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: sản phẩm ăn liền, có thời hạn sử dụng trong ngày.

Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đóng gói: Gói 500g, 1 kg hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: Gói bằng lá chuối, vật liệu tự nhiên bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (sản phẩm ăn liền trong ngày không in nhãn hàng hóa)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hộ kinh doanh Lê Thị Dung sản xuất giò chả đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm);
- QCVN 8-3:2012/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm);
- Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BYT ngày 02/11/2023 của Bộ Y tế về Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Kon Tum, ngày 05 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Dung

**Viet Tin**

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTDPTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office: No.39A, 4th street, Bình Trị Đông B ward, Bình Tân district, HCM City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.comSố/ No: 14833.2409/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.1130/49592409
Mã số mẫu/ Sample code: 49592409-1
Trang/ Page: 1/ 2**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **HỘ KINH DOANH LÊ THỊ DUNG**

Địa chỉ/ Address : **Số nhà 02/Lô 19 đường quy hoạch phía Bắc – Tổ dân phố 3, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **13/09/2024** Ngày phân tích/ Date of analysis: **13-18/09/2024**

Ngày trả kết quả/ Date of issue : **20/09/2024**

Loại mẫu/ Kind of sample : **Thực phẩm** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **1 mẫu**

Tên mẫu/ Name of sample : **CHẢ**

Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong bao nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Cảm quan	TCVN 5090: 2008	-Trạng thái: sản phẩm săn chắc, lát cắt phẳng và mịn, có những lỗ nhỏ, có tiêu. -Màu sắc: màu trắng ngà đặc trưng sản phẩm. -Mùi vị: đặc trưng sản phẩm, không có mùi vị lạ. -Tạp chất lạ: không nhìn thấy bằng mắt thường.	
2	Béo tổng (*)	SOP.01-194:2021 (Ref.FAO FOOD 14/7, page.214)	27,7	%
3	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD = 0,01)	mg/kg
4	Cadmi (Cd) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD = 0,0015)	mg/kg
5	Amoniacc	SOP.01-647: 2024 (Ref. TCVN 3706: 1990)	11,2	mgN/100g
6	Peroxit	SOP.01-450:2022 (Ref.TCVN 6121: 2010)	Không phát hiện (LOD = 0,15)	MEQ/kg

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department Bộ Công Thương - Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 09

Date of issue: 18/08/2023

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Code: 14833.2409/KQ-VTT
Code: KH.1130/49592409
Sample code: 49592409-1
Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

T/	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
0.	<i>Escherichia coli</i> (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g
1.	<i>Salmonella</i> (*)	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017/Amd1:2020)	Không phát hiện	Trong 25g
2.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013/ Amd1:2022)	2,5x10 ¹	CFU/g

Chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY
TNHH
PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM
VIỆT TÍN

ThS. Nguyễn Văn Tâm

2018-C.T.T.N.H.
G TY
HH
KIỂM NGHIỆM
TÍN
HỒ CHÍ MINH

Chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý
ng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department Bộ Công Thương -
ment: QTCL-13/BM02 of The Socialist Republic of Vietnam.

Issue: 18/08/2023

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE